



BẢN TIN PHÁP LUẬT

THÁNG 05/2023



**NTB
LEGAL**



**72C Nguyễn Khang, Yên
Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội**



**024.2322.5888
0943.996.589**



<http://ntblegal.vn/>

MỤC LỤC

CÁC CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT MỚI CÓ HIỆU LỰC	1
1. Chính sách về đất đai, thuế phí có hiệu lực từ tháng 05/2023.....	1
2. Thông tư 02/2023/TT-BKHĐT: 10 điểm mới về đăng ký hộ kinh doanh	3
3. Đã có Nghị định 17/2023/NĐ-CP hướng dẫn Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan.....	8
4. 06 chính sách hỗ trợ giảm chi phí cho doanh nghiệp tại Nghị quyết 58.....	9
GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT	13
1. Bỏ sổ hộ khẩu giấy: Thủ tục đăng ký khai sinh tại cấp xã thế nào?	18
2. Thủ tục thu tiền chậm nộp phạt vi phạm hành chính mới nhất?.....	8
3. Hồ sơ cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư 2023 gồm những gì? Những ai không được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư?.....	20
4. Thủ tục cấp sổ đỏ đối với đất mua bằng giấy viết tay năm 2023? Hồ sơ cấp sổ đỏ cho đất mua bằng giấy viết tay gồm những gì?.....	22
5. Tổng hợp các tranh chấp về quyền tác giả, quyền liên quan.....	25
VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ HIỆU LỰC TỪ THÁNG 05/2023	29

CÔNG TY LUẬT TNHH NTB LEGAL

Địa chỉ: Tầng 3, số 72C Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 024.2322.5888 – 0943.996.589

Email: ntblegal@gmail.com

Website: <http://ntblegal.vn/>

CÁC CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT MỚI CÓ HIỆU LỰC

1. Chính sách về đất đai, thuế phí có hiệu lực từ tháng 05/2023



1. Sửa đổi thẩm quyền cấp sổ đỏ từ ngày 20/5/2023

Chính phủ ban hành Nghị định 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 sửa đổi Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai có hiệu lực từ ngày 20/5/2023.

Cụ thể, tại Nghị định 10/2023/NĐ-CP sửa đổi Điều 37 Nghị định 43/2014/NĐ-CP về thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sổ đỏ) tại khoản 4 Điều 95 và khoản 3 Điều 105 Luật Đất đai 2013 như sau:

- Đối với địa phương đã thành lập Văn phòng đăng ký đất đai theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định 43/2014/NĐ-CP thì việc cấp Giấy chứng nhận, xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận đã cấp thực hiện như sau:

+ Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức, cá nhân nước ngoài; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;

+ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện đối với hộ

gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam;
+ Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai được sử dụng con dấu của mình để thực hiện cấp Giấy chứng nhận, xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận đã cấp.

- Đối với địa phương chưa thành lập Văn phòng đăng ký đất đai theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định 43/2014/NĐ-CP:

+ Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức, cá nhân nước ngoài; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy chứng nhận cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam.

- Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quy định tại khoản 1 Điều 105 Luật Đất đai 2013 thì được sử dụng dấu của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về các trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác

CÔNG TY LUẬT TNHH NTB LEGAL

Địa chỉ: Tầng 3, số 72C Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 024.2322.5888 – 0943.996.589

Email: ntblegal@gmail.com

Website: <http://ntblegal.vn/>

gắn liền với đất khi thực hiện đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất và việc xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận đã cấp.

Như vậy, so với hiện hành thì tại Nghị định 10/2023/NĐ-CP đã sửa đổi thẩm quyền cấp sổ đỏ, xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận theo hướng tạo điều kiện thuận tiện cho người dân trong việc thực hiện các thủ tục hành chính này (được thực hiện tại Văn phòng Đăng ký đất đai mà không cần lên Sở Tài nguyên và Môi trường).

2. Áp dụng cấp sổ đỏ online từ ngày 20/5/2023

Đây cũng là nội dung được Chính phủ ban hành tại Nghị định 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 sửa đổi Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

Theo đó, khoản 7 Điều 1 Nghị định 10/2023/NĐ-CP sửa đổi khoản 6 Điều 60 Nghị định 43/2014/NĐ-CP (sửa đổi tại Nghị định 148/2020/NĐ-CP) về thực hiện thủ tục hành chính về đất đai trên môi trường điện tử như sau:

- Căn cứ điều kiện cụ thể về hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai đang quản lý, cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính về đất đai quy định tại Điều 60 Nghị định 43/2014/NĐ-CP (sửa đổi tại Nghị định 10/2023/NĐ-CP) có trách nhiệm tổ chức việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử theo quy định của Chính phủ.

- Đối với trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sổ đỏ) trên môi trường điện tử thực hiện như sau:

+ Cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ có trách nhiệm thực hiện các trình tự, thủ tục hành chính về đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai;

Trường hợp cần phải kiểm tra, xác minh làm rõ hoặc do nguyên nhân khác mà không trả kết quả giải quyết hồ sơ theo đúng quy định về thời gian giải quyết thủ tục hành chính về đất đai thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ, giải quyết thủ tục gửi thông báo bằng văn bản hoặc qua Cổng dịch vụ công hoặc qua tin nhắn SMS cho người yêu cầu, trong đó nêu rõ lý do.

+ Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật bằng hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua chức năng thanh toán của Cổng dịch vụ công.

+ Cơ quan tiếp nhận hoặc cơ quan giải quyết hồ sơ thông báo cho người yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính nộp bản chính Giấy chứng nhận đã cấp, các giấy tờ theo quy định sau khi người sử dụng đất hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

+ Việc trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc tại địa điểm theo yêu cầu đối với trường hợp tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục đăng ký

đất đai, tài sản khác gắn liền với đất, cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận.

(Hiện hành tại khoản 6 Điều 60 Nghị định 43/2014/NĐ-CP (sửa đổi tại Nghị định 148/2020/NĐ-CP) quy định như sau:

Căn cứ điều kiện cụ thể về hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai đang quản lý, cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính về đất đai quy định tại Điều 60 Nghị định 43/2014/NĐ-CP (sửa đổi tại Nghị định 148/2020/NĐ-CP) có trách nhiệm tổ chức việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử theo quy định của Chính phủ.)

2. Thông tư 02/2023/TT-BKHĐT: 10 điểm mới về đăng ký hộ kinh doanh

ĐIỂM MỚI VỀ ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH THÔNG TƯ 02/2023/TT-BKHĐT



1. Mã số hộ kinh doanh đồng thời là mã số thuế

Cụ thể, khoản 1 Điều 5b Thông tư 01/2021/TT-BKHĐT (được bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Thông tư 02/2023/TT-BKHĐT thì:

Mã số hộ kinh doanh là dãy số được tạo tự động bởi Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế và truyền sang hệ thống thông tin về đăng ký hộ

3. Bổ quy định hướng dẫn thuế GTGT và thuế TNDN với cơ quan báo chí

Bổ quy định hướng dẫn thuế GTGT và thuế TNDN với cơ quan báo chí là nội dung tại Thông tư 19/2023/TT-BTC bãi bỏ Thông tư 150/2010/TT-BTC hướng dẫn về thuế GTGT và thuế TNDN đối với các cơ quan báo chí do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực từ ngày 18/5/2023.

Cụ thể, bãi bỏ toàn bộ Thông tư 150/2010/TT-BTC ngày 27/9/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các cơ quan báo chí.

kinh doanh để cấp cho hộ kinh doanh khi đăng ký hộ kinh doanh.

Mã số hộ kinh doanh được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

Mã số này đồng thời là mã số thuế của hộ kinh doanh.

Như vậy thì theo Thông tư 02/2023/TT-BKHĐT, mã số hộ kinh doanh đồng thời là mã số thuế của hộ kinh doanh.

2. Cách tra cứu mã số hộ kinh doanh

Theo Thông tư 01/2021/TT-BKHĐT, tổ chức, cá nhân có thể tra cứu thông tin đăng ký hộ kinh doanh gồm: tên hộ kinh doanh, mã số đăng

ký hộ kinh doanh, mã số hộ kinh doanh, địa chỉ trụ sở, ngành, nghề kinh doanh, tên chủ hộ kinh doanh của hộ kinh doanh tại địa chỉ: www.dangkykinhdoanh.gov.vn

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện có trách nhiệm chuyên đổi dữ liệu, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hộ kinh doanh của hộ kinh doanh còn thiếu được lưu trữ tại địa phương vào hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

3. Hướng dẫn cách ghi ngành, nghề kinh doanh của hộ kinh doanh

Thông tư 02/2023/TT-BKHĐT hướng dẫn về việc ghi ngành, nghề kinh doanh của hộ kinh doanh, cụ thể:

- Người thành lập hộ kinh doanh/hộ kinh doanh lựa chọn ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam (theo Quyết định 27/2018/QĐ-TTg) để ghi ngành, nghề kinh doanh chính của hộ kinh doanh.

- Với những ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó.

- Với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam nhưng được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó.

- Với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam và chưa được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì:

Cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét ghi nhận ngành, nghề kinh doanh này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp nếu không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh, đồng thời thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) để bổ sung ngành, nghề kinh doanh mới...

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện hướng dẫn, đối chiếu và ghi nhận ngành, nghề kinh doanh chính của hộ kinh doanh vào hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

4. Hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh online

Theo đó, tại Điều 5g Thông tư 01/2021/TT-BKHĐT được bổ sung tại Thông tư 02/2023/TT-BKHĐT quy định hồ sơ đăng ký

hộ kinh doanh qua mạng gồm các giấy tờ sau được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử:

Giấy đề nghị đăng ký hộ kinh doanh;

Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ hộ kinh doanh, thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh (trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh);

Bản sao biên bản họp thành viên hộ gia đình về việc thành lập hộ kinh doanh (trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh);

Bản sao văn bản ủy quyền của thành viên hộ gia đình cho 01 thành viên làm chủ hộ kinh doanh (trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh).

Văn bản điện tử là văn bản dưới dạng thông điệp dữ liệu được tạo lập hoặc được số hóa từ văn bản giấy và thể hiện chính xác, toàn vẹn nội dung của văn bản giấy (có thể định dạng “.doc” hoặc “.docx” hoặc “.pdf”).

Đồng thời quy định hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng được chấp thuận khi đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau:

Có đầy đủ các giấy tờ và các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký

hộ kinh doanh bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử.

Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh bằng bản giấy.

Chủ hộ kinh doanh, các thành viên hộ gia đình/cá nhân khác ký tên trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử/ký trực tiếp trên văn bản giấy và scan bản giấy theo các định dạng “.doc” hoặc “.docx” hoặc “.pdf”.

Các thông tin đăng ký hộ kinh doanh được kê khai trên hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ; Hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng phải được xác thực bằng chữ ký số của chủ hộ kinh doanh/người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh (phải kèm theo các giấy tờ, tài liệu theo khoản 4 Điều 84 Nghị định 01/2021/NĐ-CP).

Trường hợp phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thì trong vòng 60

ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ, hộ kinh doanh phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

Quá thời hạn, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hộ kinh doanh, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện sẽ hủy hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh.

5. Thủ tục đăng ký hộ kinh doanh online

Theo Điều 5e Thông tư 01/2021/TT-BKHĐT bổ sung tại Thông tư 02/2023/TT-BKHĐT thì thủ tục đăng ký hộ kinh doanh online như sau:

- Người thành lập hộ kinh doanh, hộ kinh doanh thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh theo Nghị định 01/2021/NĐ-CP trên hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh thuộc Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thông qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
- Người nộp hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, sử dụng chữ ký số để ký xác thực hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh theo quy trình trên hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trả giấy biên nhận hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục đăng ký hộ kinh doanh cho người nộp hồ sơ qua mạng thông tin điện tử theo quy trình trên hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

6. Thay đổi hàng loạt biểu mẫu về đăng ký hộ kinh doanh

Cụ thể, Thông tư 02/2023/TT-BKHĐT thay đổi hàng loạt biểu mẫu sử dụng trong đăng ký hộ kinh doanh tại Thông tư 01/2021/TT-BKHĐT.

Các Phụ lục từ III-1 đến III-7 và từ VI-1 đến VI-16 ban hành kèm theo Thông tư 02/2023/TT-BKHĐT thay thế các mẫu biểu quy định tại các Phụ lục từ III-1 đến III-6 và từ VI-1 đến VI-14 ban hành kèm theo Thông tư 01/2021/TT-BKHĐT.

7. Có thể thanh toán online lệ phí đăng ký hộ kinh doanh

Người nộp hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh nộp lệ phí đăng ký hộ kinh doanh tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh.

Lệ phí đăng ký hộ kinh doanh được nộp theo 03 phương thức sau:

- + Nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh ở cấp huyện; hoặc
- + Chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện; hoặc
- + Sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến trên cổng dịch vụ công quốc gia.

Lưu ý: Lệ phí đăng ký hộ kinh doanh không được hoàn trả cho hộ kinh doanh trong trường hợp hộ kinh doanh không được cấp đăng ký hộ kinh doanh.

8. Thông báo địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh

Tại Khoản 1 Điều 5d Thông tư 01/2021/TT-BKHĐT được bổ sung bởi Thông tư 02/2023/TT-BKHĐT quy định:

Hộ kinh doanh nếu hoạt động kinh doanh tại địa điểm khác ngoài trụ sở thì phải thực hiện thông báo địa điểm kinh doanh tới cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đặt trụ sở.

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện tiếp nhận thông báo địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh và trả Thông báo về mã số thuế và cơ quan thuế quản lý trực tiếp địa điểm kinh doanh cho hộ kinh doanh.

9. Không bắt buộc đăng ký lại hộ kinh doanh

Tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư 02/2023/TT-BKHĐT quy định hộ kinh doanh đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành (ngày 01/7/2023) được tiếp tục hoạt động mà không bắt buộc phải đăng ký lại theo quy định tại Thông tư 02/2023/TT-BKHĐT.

Như vậy, hộ kinh doanh đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trước ngày 01/7/2023 được tiếp tục hoạt động mà không bắt buộc phải đăng ký lại.

10. Bổ sung quy định đăng ký hộ kinh doanh theo quy trình dự phòng

Thông tư 02/2023/TT-BKHĐT bổ sung quy định cấp đăng ký hộ kinh doanh theo quy trình dự phòng như sau:

Cấp đăng ký hộ kinh doanh theo quy trình dự phòng là việc cấp đăng ký hộ kinh doanh không thực hiện thông qua hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh được áp dụng trong các trường hợp:

Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh đang trong quá trình xây dựng, nâng cấp;

Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh gặp sự cố kỹ thuật;

Các trường hợp bất khả kháng khác.

Căn cứ vào thời gian dự kiến khắc phục sự cố/xây dựng, nâng cấp hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh, trừ trường hợp bất khả kháng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư phải thông báo trước về thời gian dự kiến để cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thực hiện việc cấp đăng ký hộ kinh doanh theo quy trình dự phòng.

Việc đăng ký hộ kinh doanh theo quy trình dự phòng được thực hiện theo quy trình luân

chuyển hồ sơ bằng bản giấy giữa cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện và cơ quan thuế.

Và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh hoàn thành việc xây dựng, nâng cấp/khắc phục sự cố, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện phải cập nhật dữ liệu, thông tin đã cấp cho hộ kinh doanh vào hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

3. Đã có Nghị định 17/2023/NĐ-CP hướng dẫn Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan

Ngày 26/4/2023, Chính phủ ban hành Nghị định 17/2023/NĐ-CP hướng dẫn Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan.

1. Phạm vi điều chỉnh của Nghị định 17/2023/NĐ-CP hướng dẫn Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan

- Nghị định 17/2023/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ năm 2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022 (sau đây gọi chung là

Luật Sở hữu trí tuệ) về quyền tác giả, quyền liên quan.

- Nghị định 17/2023/NĐ-CP không quy định biểu mức và phương thức thanh toán tiền bản quyền trong trường hợp Nhà nước là đại diện chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan, Nhà nước đại diện quản lý quyền tác giả, quyền liên quan; trường hợp thuộc giới hạn quyền tác giả, giới hạn quyền liên quan thì thực hiện theo quy định tại Điều 35 của Nghị định 17/2023/NĐ-CP.

2. Một số thuật ngữ trong Nghị định 17/2023/NĐ-CP hướng dẫn Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan

CÔNG TY LUẬT TNHH NTB LEGAL

Địa chỉ: Tầng 3, số 72C Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 024.2322.5888 – 0943.996.589

Email: ntblegal@gmail.com

Website: <http://ntblegal.vn/>

- Tác phẩm di cảo là tác phẩm được công bố lần đầu sau khi tác giả chết.
 - Tác phẩm khuyết danh là tác phẩm không có hoặc chưa có tên tác giả (tên khai sinh hoặc bút danh) trên tác phẩm khi công bố.
 - Định hình là sự biểu hiện bằng chữ viết, các ký tự khác, đường nét, hình khối, bố cục, màu sắc, âm thanh, hình ảnh hoặc sự tái hiện âm thanh, hình ảnh dưới dạng vật chất nhất định để từ đó có thể nhận biết, sao chép hoặc truyền đạt.
 - Bản gốc tác phẩm là bản được tồn tại dưới dạng vật chất mà trên đó việc sáng tạo tác phẩm được định hình lần đầu tiên.
 - Bản sao của tác phẩm là bản sao chép trực tiếp hoặc gián tiếp toàn bộ hoặc một phần tác phẩm bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào.
 - Bản ghi âm, ghi hình là bản định hình các âm thanh, hình ảnh của cuộc biểu diễn hoặc các âm thanh, hình ảnh khác hoặc việc định hình sự tái hiện lại các âm thanh, hình ảnh không phải dưới hình thức định hình gắn với tác phẩm điện ảnh hoặc tác phẩm được tạo ra theo phương pháp tương tự.
- Bản ghi âm, ghi hình có thể là bản ghi nhằm mục đích phổ biến tin tức trên dịch vụ phát thanh, truyền hình, không gian mạng; bản ghi chương trình biểu diễn nghệ thuật; bản ghi lại hoạt động của một hoặc nhiều người, mô tả các sự kiện, tình huống hoặc chương trình thực tế.

- Yếu tố xâm phạm là yếu tố được tạo ra từ hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan.
- Hành vi bị xem xét là hành vi bị nghi ngờ xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan và bị đưa ra xem xét nhằm kết luận đó có phải là hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan hay không.
- Đối tượng bị xem xét là đối tượng bị nghi ngờ xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan và bị đưa ra xem xét nhằm kết luận đó có phải là đối tượng xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan hay không.

3. Đối tượng áp dụng của Nghị định 17/2023/NĐ-CP hướng dẫn Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan

Đối tượng áp dụng của Nghị định 17/2023/NĐ-CP hướng dẫn Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan bao gồm:

- Tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền liên quan theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ.
 - Tổ chức, cá nhân khác có hoạt động liên quan đến quyền tác giả, quyền liên quan.
 - Cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan.
- Nghị định 17/2023/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 26/4/2023.

4. 06 chính sách hỗ trợ giảm chi phí cho doanh nghiệp tại Nghị quyết 58

Tại Nghị quyết 58/NQ-CP ngày 21/4/2023, Chính phủ đã đưa ra chính sách hỗ trợ giảm chi

phí cho doanh nghiệp tăng cường khả năng tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi trong ngắn hạn.

CÔNG TY LUẬT TNHH NTB LEGAL

Địa chỉ: Tầng 3, số 72C Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 024.2322.5888 – 0943.996.589

Email: ntblegal@gmail.com

Website: <http://ntblegal.vn/>

1. Tiếp tục triển khai các giải pháp hỗ trợ về thuế, phí, lệ phí và tiền thuê đất

Cụ thể, Chính phủ yêu cầu Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tiếp tục triển khai quyết liệt, hiệu quả các giải pháp hỗ trợ về thuế, phí, lệ phí và tiền thuê đất đã được các cấp có thẩm quyền ban hành để thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

Ngoài nội dung trên, Bộ Tài chính còn thực hiện nhiệm vụ, giải pháp sau đây:

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác dự báo, phối hợp hiệu quả giữa chính sách tiền tệ, tài khoá với các chính sách vĩ mô khác và cân đối nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ một số đối tượng chịu ảnh hưởng nặng nề của giá xăng dầu như hỗ trợ ngư dân bám biển, hỗ trợ doanh nghiệp vận tải, người thu nhập thấp theo quy định.

- Tập trung nghiên cứu, hoàn thiện và trình cấp có thẩm quyền quyết định để sớm triển khai vào thực tế các giải pháp giảm tiền thuê đất đối với doanh nghiệp, tổ chức;

Tiếp tục phối hợp các Bộ, ngành, hiệp hội rà soát trình Chính phủ điều chỉnh mức thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đối với nguyên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất nhằm hỗ trợ sản xuất kinh doanh trong nước.

- Khẩn trương ban hành Thông tư hướng dẫn cơ chế sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước vốn chi thường xuyên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Nghị định 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ, hoàn thành trong tháng 4 năm 2023.

- Rà soát, đánh giá các khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện Nghị định 34/2018/NĐ-CP và kiến nghị giải pháp tháo gỡ; báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý II năm 2023.

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có giải pháp giảm chi phí nguyên liệu, vật tư đầu vào phục vụ sản xuất nông nghiệp, thủy sản, đặc biệt thức ăn chăn nuôi.

2. Hỗ trợ giảm chi phí nguyên liệu, vật tư đầu vào phục vụ sản xuất nông nghiệp

Theo đó, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Bộ Tài chính thực hiện các giải pháp hỗ trợ giảm chi phí nguyên liệu, vật tư đầu vào phục vụ sản xuất nông nghiệp, đặc biệt thức ăn chăn nuôi.

3. Tháo gỡ khó khăn về quản lý chi phí, định mức xây dựng cho doanh nghiệp

Tại Nghị quyết 58/NQ-CP, nhiệm vụ, giải pháp cần triển khai trong ngắn hạn của Bộ Xây dựng trong việc hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững đến năm 2025 như sau:

- Hướng dẫn, giải quyết theo thẩm quyền hoặc tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc liên quan đến quản lý dự án, quản lý chi phí, định mức xây dựng, vật liệu xây dựng, quản lý chất lượng thi công và hợp đồng xây dựng;

- Hướng dẫn, kiểm tra các địa phương công bố giá các loại vật liệu xây dựng phổ biến trên địa bàn theo quy định của pháp luật trong Quý II năm 2023.

4. Nghiên cứu đề xuất sửa đổi cơ cấu biểu giá bán lẻ điện

Cụ thể tại Nghị quyết 58/NQ-CP, Chính phủ yêu cầu Bộ Công Thương nghiên cứu đề xuất sửa đổi Quyết định 28/2014/QĐ-TTg quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện, nghiên cứu bổ sung đối tượng "cơ sở lưu trú du lịch" áp dụng giá bán lẻ điện bằng với giá bán lẻ điện cho các ngành sản xuất theo tinh thần của Nghị quyết 08-NQ/TW năm 2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; Thời hạn báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý II năm 2023.

Đồng thời tăng cường theo dõi, chỉ đạo các doanh nghiệp đầu mối, phân phối kinh doanh xăng dầu thực hiện đúng quy định về dự trữ lưu thông, không để thiếu nguồn cung mặt hàng xăng dầu; chủ động tính toán, có giải pháp để tự chủ nguồn cung trong nước.

Xây dựng và thực hiện các giải pháp sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả, trong đó chú trọng tới hoạt động điều chỉnh phụ tải.

5. Tập trung vốn tín dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

Theo đó, Chính phủ yêu cầu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ đạo các tổ chức tín dụng tiếp tục tập trung vốn tín dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là các lĩnh vực ưu tiên, khuyến khích phát triển theo chủ trương của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

Đồng thời đẩy mạnh thực hiện các hoạt động như:

- Triển khai Nghị định 31/2022/NĐ-CP về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách Nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

- Phát triển thanh toán không dùng tiền mặt và chuyển đổi số; chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan hoàn thiện Nghị định về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động công nghệ tài chính (Fintech) trong lĩnh vực ngân hàng.

6. Xây dựng phương án giảm tiền sử dụng nước cho các doanh nghiệp trên địa bàn

Các nhiệm vụ, giải pháp cần triển khai trong ngắn hạn đối với UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững đến năm 2025 như sau:

- Xây dựng và triển khai phương án giảm tiền sử dụng nước cho các doanh nghiệp trên địa bàn.

- Đẩy nhanh việc xây dựng hệ thống giao thông nông thôn vừa phục vụ cho nông nghiệp vừa giúp lao động nông thôn đến các nhà máy làm việc hàng ngày; phát triển và mở rộng vùng sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản tập trung phù hợp.

- Công bố giá các loại vật liệu xây dựng phổ biến trên địa bàn theo thẩm quyền và quy định của pháp luật;

- Kiểm tra, rà soát, quản lý chặt chẽ giá vật liệu xây dựng;

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc thường xuyên theo dõi, bám sát diễn biến thị

trường xây dựng để kịp thời cập nhật, công bố

giá vật liệu xây dựng theo quy định của pháp luật.

CÔNG TY LUẬT TNHH NTB LEGAL

Địa chỉ: Tầng 3, số 72C Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 024.2322.5888 – 0943.996.589

Email: ntblegal@gmail.com

Website: <http://ntblegal.vn/>

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT**1. Bỏ sổ hộ khẩu giấy: Thủ tục đăng ký khai sinh tại cấp xã thế nào?****1. Trình tự thực hiện đăng ký khai sinh tại cấp xã sau khi bỏ sổ hộ khẩu**

* Nếu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp, người có yêu cầu đăng ký khai sinh nộp hồ sơ đăng ký khai sinh tại Bộ phận một cửa của UBND cấp xã có thẩm quyền; nộp lệ phí nếu thuộc trường hợp phải nộp lệ phí đăng ký khai sinh; nộp phí cấp bản sao Giấy khai sinh nếu có yêu cầu cấp bản sao Giấy khai sinh.

* Nếu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến, người có yêu cầu đăng ký khai sinh truy cập Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh, đăng ký tài khoản (nếu chưa có tài khoản), xác thực người dùng theo hướng dẫn, đăng nhập vào hệ thống, xác định đúng Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền.

Người có yêu cầu đăng ký khai sinh trực tuyến cung cấp thông tin theo biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký khai sinh (cung cấp trên Cổng dịch vụ công), đính kèm bản chụp hoặc bản sao điện tử các giấy tờ, tài liệu theo quy định;

Nộp phí, lệ phí thông qua chức năng thanh toán trực tuyến hoặc bằng cách thức khác theo quy định pháp luật, hoàn tất việc nộp hồ sơ.

* Cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận một cửa có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ; nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì

có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp);

Hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến); chuyển hồ sơ để công chức làm công tác hộ tịch xử lý.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định.

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (i);

- Trường hợp người có yêu cầu đăng ký khai sinh không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Trưởng bộ phận một cửa có thông báo từ chối giải quyết yêu cầu đăng ký khai sinh.

+ Công chức tư pháp - hộ tịch thẩm tra hồ sơ (thẩm tra tính thống nhất, hợp lệ của các

thông tin trong hồ sơ, giấy tờ, tài liệu do người yêu cầu nộp, xuất trình hoặc đính kèm).

++ Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận một cửa để thông báo cho người nộp hồ sơ – thực hiện lại bước (ii) hoặc (iii);

++ Trường hợp cần phải kiểm tra, xác minh làm rõ hoặc do nguyên nhân khác mà không thể trả kết quả đúng thời gian đã hẹn thì công chức làm công tác hộ tịch lập Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả;

Trong đó nêu rõ lý do chậm trả kết quả và thời gian hẹn trả kết quả, chuyển Bộ phận một cửa để trả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp);

Hoặc gửi Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến).

++ Nếu thấy hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định, trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký khai sinh theo hình thức trực tiếp, thì công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện việc ghi vào Sổ đăng ký khai sinh, cập nhật thông tin đăng ký khai sinh trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung, lưu chính thức và chuyển thông tin đến CSDLQGVC để lấy Số định danh cá nhân.

Trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký khai sinh theo hình thức trực tuyến, công chức tư pháp - hộ tịch gửi lại biểu mẫu Giấy khai sinh

điện tử với thông tin đầy đủ cho người yêu cầu qua thư điện tử hoặc thiết bị số.

Người yêu cầu có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của các thông tin trên biểu mẫu Giấy khai sinh điện tử và xác nhận (tối đa một ngày).

Nếu người có yêu cầu xác nhận thông tin đã thống nhất, đầy đủ hoặc không có phản hồi sau thời hạn yêu cầu thì công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện việc ghi nội dung vào Sổ đăng ký khai sinh, cập nhật thông tin đăng ký khai sinh trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung, lưu chính thức và chuyển thông tin đến CSDLQGVC để lấy Số định danh cá nhân.

+ Sau khi CSDLQGVC trả về Số định danh cá nhân, công chức tư pháp - hộ tịch in Giấy khai sinh, trình Lãnh đạo UBND ký, chuyển tới Bộ phận một cửa để trả kết quả cho người có yêu cầu.

+ Người có yêu cầu đăng ký khai sinh kiểm tra thông tin trên Giấy khai sinh, trong Sổ đăng ký khai sinh và ký tên vào Sổ đăng ký khai sinh, nhận Giấy khai sinh.

Lưu ý:

- Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày sinh con, cha hoặc mẹ có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho con; trường hợp cha, mẹ không thể đăng ký khai sinh cho con thì ông hoặc bà hoặc người thân thích khác hoặc cá nhân, tổ chức đang nuôi dưỡng trẻ em có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho trẻ em.

- Trường hợp đăng ký khai sinh cho trẻ bị bỏ rơi thì sau khi nhận được thông báo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Trưởng công an cấp xã có trách nhiệm tổ chức lập biên bản về việc trẻ bị bỏ rơi.

Sau khi lập biên bản, Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân trong 07 ngày liên tục về việc trẻ bị bỏ rơi.

Hết thời hạn niêm yết, nếu không có thông tin về cha, mẹ đẻ của trẻ, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo cho cá nhân hoặc tổ chức đang tạm thời nuôi dưỡng trẻ để tiến hành đăng ký khai sinh cho trẻ.

- Trường hợp trẻ chưa xác định được cha thì họ, dân tộc, quê quán, quốc tịch của con được xác định theo họ, dân tộc, quê quán, quốc tịch của mẹ; phần ghi về cha của trẻ để trống. Nếu vào thời điểm đăng ký khai sinh người cha yêu cầu làm thủ tục nhận con thì kết hợp giải quyết việc nhận con và đăng ký khai sinh.

- Trường hợp trẻ chưa xác định được mẹ mà khi đăng ký khai sinh cha yêu cầu làm thủ tục nhận con thì kết hợp giải quyết việc nhận con và đăng ký khai sinh; phần khai về mẹ của trẻ để trống.

- Trường hợp trẻ không thuộc diện bị bỏ rơi, chưa xác định được cả cha và mẹ thì thực hiện tương tự như đăng ký khai sinh cho trẻ bị bỏ rơi, nhưng trong Sổ hộ tịch ghi rõ “Trẻ chưa xác định được cha, mẹ”.

2. Cách thức thực hiện đăng ký khai sinh tại cấp xã sau khi bỏ sổ hộ khẩu

Người có yêu cầu đăng ký khai sinh trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa của UBND cấp xã;

Hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (<https://dichvucong.---.gov.vn>).

3. Thành phần hồ sơ đăng ký khai sinh tại cấp xã sau khi bỏ sổ hộ khẩu

Thành phần hồ sơ đăng ký khai sinh tại cấp xã sau khi bỏ sổ hộ khẩu như sau:

- Tờ khai đăng ký khai sinh theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp);

- Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký khai sinh (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công, nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến);

- Người có yêu cầu đăng ký khai sinh thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau:

* Giấy tờ phải nộp đăng ký khai sinh tại cấp xã sau khi bỏ sổ hộ khẩu:

Giấy tờ phải nộp đăng ký khai sinh tại cấp xã sau khi bỏ sổ hộ khẩu như sau:

- Bản chính Giấy chứng sinh; trường hợp không có Giấy chứng sinh thì nộp văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh; nếu

không có người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh;

- Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi thì phải có biên bản về việc trẻ bị bỏ rơi do cơ quan có thẩm quyền lập.

- Trường hợp khai sinh cho trẻ em sinh ra do mang thai hộ phải có văn bản xác nhận của cơ sở y tế đã thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản cho việc mang thai hộ.

- Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai sinh.

* Giấy tờ phải xuất trình đăng ký khai sinh tại cấp xã sau khi bỏ sổ hộ khẩu:

Giấy tờ phải xuất trình đăng ký khai sinh tại cấp xã sau khi bỏ sổ hộ khẩu như sau:

- Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký khai sinh.

Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVC, CSDLHTĐT, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến);

- Giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú trong trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định 104/2022/NĐ-CP.

Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

- Giấy chứng nhận kết hôn nếu cha, mẹ đã đăng ký kết hôn. Trường hợp đã có thông tin về việc kết hôn của cha, mẹ trong CSDLHTĐT, CSDLQGVC thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.

Lưu ý:

- Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp:

+ Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.

+ Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu.

Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.

+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.

- Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến:

+ Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ đăng ký khai sinh trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng.

+ Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ đăng ký khai sinh trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này.

+ Khi đến cơ quan đăng ký hộ tịch nhận kết quả (Giấy khai sinh/bản sao Giấy khai sinh), người có yêu cầu đăng ký khai sinh phải:

++ Nộp bản chính Giấy chứng sinh;

++ Xuất trình giấy tờ tùy thân;

++ Bản chính Giấy chứng nhận kết hôn (nếu cha mẹ trẻ đã đăng ký kết hôn và thông tin về việc kết hôn chưa có trong CSDLQGVDC, CSDLHTĐT).

- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Trường hợp người yêu cầu đăng ký khai sinh không cung cấp được giấy tờ nêu trên theo quy định hoặc giấy tờ nộp, xuất trình bị tẩy xóa, sửa chữa, làm giả thì cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký khai sinh.

- Trường hợp người đi đăng ký khai sinh cho trẻ em là ông, bà, người thân thích khác thì không phải có văn bản ủy quyền của cha, mẹ trẻ em, nhưng phải thống nhất với cha, mẹ trẻ em về các nội dung khai sinh.

- Đối với việc xác định họ, dân tộc, quê quán, đặt tên cho trẻ:

+ Việc xác định họ, dân tộc, đặt tên cho trẻ em phải phù hợp với pháp luật và yêu cầu giữ gìn bản sắc dân tộc, tập quán, truyền thống văn hóa tốt đẹp của Việt Nam; không đặt tên quá dài, khó sử dụng.

+ Trường hợp cha, mẹ không thỏa thuận được về họ, dân tộc, quê quán của con khi đăng ký khai sinh thì họ, dân tộc, quê quán của con được xác định theo tập quán nhưng phải bảo đảm theo họ, dân tộc, quê quán của cha hoặc mẹ.

- Trường hợp cho phép người yêu cầu đăng ký hộ tịch lập văn bản cam đoan về nội dung yêu cầu đăng ký hộ tịch thì cơ quan đăng ký hộ tịch phải giải thích rõ cho người lập văn bản cam đoan về trách nhiệm, hệ quả pháp lý của việc cam đoan không đúng sự thật.

Cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối giải quyết hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ

kết quả đăng ký hộ tịch, nếu có cơ sở xác định nội dung cam đoan không đúng sự thật.

4. Cơ quan thực hiện thủ tục đăng ký khai sinh tại cấp xã

- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người cha hoặc người mẹ thực hiện đăng ký khai sinh cho trẻ em;

- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi lập biên bản về việc trẻ bị bỏ rơi đối với trường hợp đăng ký khai sinh cho trẻ bị bỏ rơi.

- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi trẻ đang cư trú có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho trẻ chưa xác định được cha, mẹ.

5. Phí, lệ phí đăng ký khai sinh tại cấp xã

- Đối với trường hợp đăng ký khai sinh không đúng hạn: Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định.

- Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.

- Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư 281/2016/TT-BTC.

2. Thủ tục thu tiền chậm nộp phạt vi phạm hành chính mới nhất?



1. Cách tính tiền chậm nộp phạt vi phạm hành chính

Theo đó, tại khoản 1 Điều 5 Thông tư 18/2023/TT-BTC quy định chậm nộp phạt vi phạm hành chính như sau:

- Quá thời hạn thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều 68 và khoản 1 Điều 73 Luật Xử lý vi phạm hành chính mà cá nhân, tổ chức chưa nộp tiền phạt

thì sẽ bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt và cứ mỗi ngày chậm nộp phạt, cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp thêm 0,05% trên tổng số tiền phạt chưa nộp.

- Số ngày chậm nộp tiền phạt bao gồm cả ngày lễ, ngày nghỉ theo chế độ quy định và được tính từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn nộp tiền phạt đến trước ngày cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính nộp tiền phạt vào ngân sách nhà nước.

2. 2 trường hợp không tính tiền chậm nộp phạt vi phạm hành chính

Theo khoản 2 Điều 5 Thông tư 18/2023/TT-BTC quy định không tính tiền chậm nộp phạt vi phạm hành chính trong 02 trường hợp sau:

- Trong thời hạn được hoãn thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

CÔNG TY LUẬT TNHH NTB LEGAL

Địa chỉ: Tầng 3, số 72C Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 024.2322.5888 – 0943.996.589

Email: ntblegal@gmail.com

Website: <http://ntblegal.vn/>

- Trong thời gian xem xét, quyết định giảm, miễn phần còn lại hoặc cho phép nộp tiền phạt nhiều lần.

3. 5 cách xác định thời gian để tính tiền chậm nộp phạt vi phạm hành chính

Trường hợp (1):

Trường hợp quyết định xử phạt được giao trực tiếp thì ngày tính tiền chậm nộp phạt là sau 10 ngày (bao gồm cả ngày lễ, ngày nghỉ) hoặc sau thời hạn thi hành ghi trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính kể từ ngày nhận quyết định xử phạt theo quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Trường hợp (2):

Trường hợp quyết định xử phạt được gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm thì ngày tính tiền chậm nộp phạt là sau 10 ngày (bao gồm cả ngày lễ, ngày nghỉ) hoặc sau thời hạn thi hành ghi trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính kể từ ngày quyết định xử phạt được phát hợp lệ theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Luật Bưu chính 2010;

Trường hợp (3):

- Trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt không có xác nhận ngày nhận quyết định xử phạt, không xuất trình được ngày quyết định xử phạt được phát hợp lệ tại trường hợp (1), (2) nhưng không thuộc trường hợp cố tình không nhận quyết định xử phạt tại trường hợp (4) thì:

Ngày tính tiền nộp chậm thi hành quyết định xử phạt tính từ ngày ra quyết định xử phạt là:

+ Sau 12 ngày (bao gồm cả ngày lễ, ngày nghỉ) đối với trường hợp quyết định xử phạt ghi thời

hạn là 10 ngày kể từ ngày ra quyết định xử phạt; hoặc

+ Từ ngày thứ ba sau thời hạn thi hành ghi trong quyết định xử phạt đối với trường hợp quyết định xử phạt ghi thời hạn nhiều hơn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định xử phạt (bao gồm cả ngày lễ, ngày nghỉ).

- Trường hợp người nộp phạt chứng minh được ngày nhận quyết định xử phạt và việc chứng minh là có cơ sở thì cơ quan thu tiền phạt quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư 18/2023/TT-BTC tính tiền nộp chậm thi hành quyết định xử phạt sau 10 ngày hoặc sau thời hạn thi hành ghi trong quyết định xử phạt kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt mà người nộp phạt đã chứng minh;

Trường hợp (4):

Đối với các trường hợp cố tình không nhận quyết định xử phạt thì thực hiện theo quy định tại Điều 70 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt, cơ quan có thẩm quyền cưỡng chế thông báo cho Kho bạc Nhà nước nơi thu tiền phạt về thời điểm được coi là giao quyết định xử phạt để Kho bạc Nhà nước tính tiền chậm nộp phạt.

Trường hợp (5):

Trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt cố tình không nộp tiền chậm nộp phạt, thì cơ quan có thẩm quyền thu tiền phạt quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư 18/2023/TT-BTC thu tiền nộp phạt vi phạm hành chính trên quyết định xử phạt; đồng thời, vẫn tính tiền chậm nộp phạt và ghi rõ trên chứng từ thu, nộp tiền phạt số tiền

CÔNG TY LUẬT TNHH NTB LEGAL

Địa chỉ: Tầng 3, số 72C Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 024.2322.5888 – 0943.996.589

Email: ntblegal@gmail.com

Website: <http://ntblegal.vn/>

chậm nộp tính đến trước ngày cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính nộp tiền.

(Khoản 4 Điều 5 Thông tư 18/2023/TT-BTC)

4. Thủ tục thu tiền chậm nộp phạt vi phạm hành chính

- Cơ quan thu tiền phạt quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư 18/2023/TT-BTC căn cứ vào quyết định xử phạt, số ngày chậm nộp phạt để tính và thu tiền chậm nộp phạt khi cá nhân, tổ chức nộp tiền phạt vi phạm hành chính.

Trường hợp cá nhân, tổ chức nộp tiền phạt bằng hình thức chuyển khoản quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư 18/2023/TT-BTC phải căn cứ vào quyết định xử phạt, số ngày chậm nộp phạt để tính và nộp tiền chậm nộp phạt.

- Cơ quan có thẩm quyền thu phạt quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư 18/2023/TT-BTC sử dụng biên lai thu tiền phạt không in sẵn mệnh giá, biên lai thu tiền phạt lập và in từ Chương

trình ứng dụng thu ngân sách nhà nước hoặc chứng từ khác theo quy định của pháp luật để thu tiền chậm nộp phạt.

(Khoản 3, khoản 5 Điều 5 Thông tư 18/2023/TT-BTC)

5. Xử lý số tiền chậm nộp phạt vi phạm hành chính

Tại khoản 5, khoản 6 Điều 5 Thông tư 18/2023/TT-BTC quy định số tiền chậm nộp phạt vi phạm hành chính được xử lý như sau:

- Tiền chậm nộp phạt được nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Thông tư 18/2023/TT-BTC.

- Số tiền chậm nộp phạt thực hiện hạch toán theo mục lục ngân sách nhà nước.

Thông tư 18/2023/TT-BTC có hiệu lực từ 05/5/2023.

3. Hồ sơ cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư 2023 gồm những gì? Những ai không được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư?

CÔNG TY LUẬT TNHH NTB LEGAL

Địa chỉ: Tầng 3, số 72C Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 024.2322.5888 – 0943.996.589

Email: ntblegal@gmail.com

Website: <http://ntblegal.vn/>

Căn cứ quy định tại Điều 17 Luật Luật sư 2006 được sửa đổi bởi khoản 8 Điều 1 Luật Luật sư sửa đổi 2012, hồ sơ cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư theo từng trường hợp được xác định như sau:

(1) Đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư

- Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư;
- Phiếu lý lịch tư pháp;
- Giấy chứng nhận sức khỏe;
- Bản sao Bằng cử nhân luật hoặc bản sao Bằng thạc sỹ luật;
- Bản sao Giấy chứng nhận kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư.

(2) Đối với người được miễn tập sự hành nghề luật sư

- Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư;
- Phiếu lý lịch tư pháp;
- Giấy chứng nhận sức khỏe;
- Bản sao Bằng cử nhân luật hoặc bản sao Bằng thạc sỹ luật (trừ trường hợp là giáo sư, phó giáo sư chuyên ngành luật, tiến sỹ luật thì không cần chuẩn bị nội dung này);
- Bản sao giấy tờ chứng minh là người được miễn tập sự hành nghề luật sư.

Như vậy, hồ sơ cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư bao gồm những nội dung nêu trên.

- Sở Tư pháp kiểm tra, xác minh tính hợp pháp của hồ sơ và có văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ gửi Bộ Tư pháp trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Hồ sơ cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư 2023 gồm những gì? Những ai không được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư?

Hồ sơ cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư 2023 gồm những gì? Những ai không được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư? (Hình từ Internet)

Những ai không được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư?

Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 17 Luật Luật sư 2006 được sửa đổi bởi khoản 8 Điều 1 Luật Luật sư sửa đổi 2012 về các trường hợp không được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư như sau:

Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư

...

4. Người thuộc một trong những trường hợp sau đây thì không được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư:

a) Không đủ tiêu chuẩn luật sư quy định tại Điều 10 của Luật này;

b) Đang là cán bộ, công chức, viên chức; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân;

c) Không thường trú tại Việt Nam;

d) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đã bị kết án mà chưa được xóa án tích về tội phạm do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng do cố ý; đã bị kết án về tội phạm nghiêm trọng do cố ý, tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý kể cả trường hợp đã được xóa án tích;

đ) Đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc;

e) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

g) Những người quy định tại điểm b khoản này bị buộc thôi việc mà chưa hết thời hạn ba năm, kể từ ngày quyết định buộc thôi việc có hiệu lực.

Như vậy, theo quy định hiện nay thì người thuộc những trường hợp nêu trên sẽ không được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư.

Chứng chỉ hành nghề luật sư bị thu hồi trong những trường hợp nào?

Căn cứ quy định tại Điều 18 Luật Luật sư 2006 được sửa đổi bởi khoản 9 Điều 1 Luật Luật sư sửa đổi 2012 như sau:

Thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư

1. Người đã được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư mà thuộc một trong những trường hợp sau đây thì bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn luật sư quy định tại Điều 10 của Luật này;

b) Được tuyển dụng, bổ nhiệm làm cán bộ, công chức, viên chức; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân;

c) Không còn thường trú tại Việt Nam;

d) Không gia nhập một Đoàn luật sư nào trong thời hạn hai năm, kể từ ngày được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư;

đ) Không thành lập, tham gia thành lập hoặc làm việc theo hợp đồng lao động cho một tổ chức hành nghề luật sư hoặc đăng ký hành nghề với tư cách cá nhân trong thời hạn ba năm, kể từ ngày gia nhập Đoàn luật sư;

e) Thôi hành nghề luật sư theo nguyện vọng;

g) Bị xử lý kỷ luật bằng hình thức xóa tên khỏi danh sách luật sư của Đoàn luật sư;

h) Bị xử phạt hành chính bằng hình thức tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề luật sư có thời hạn; bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc;

- i) Bị kết án mà bản án đã có hiệu lực pháp luật;
- k) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

Như vậy, nếu người đã được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư thuộc 1 trong các trường hợp nêu trên thì sẽ bị thu hồi Chứng chỉ.

4. Thủ tục cấp sổ đỏ đối với đất mua bằng giấy viết tay năm 2023? Hồ sơ cấp sổ đỏ cho đất mua bằng giấy viết tay gồm những gì?

Thủ tục cấp sổ đỏ đối với đất mua bằng giấy viết tay năm 2023?

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 82 Nghị định 43/2014/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 54 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP, người sử dụng đất có đất được mua, tặng cho bằng giấy viết tay thực hiện thủ tục cấp sổ đỏ mà không phải làm thủ tục chuyển quyền sử dụng khi thuộc một trong 02 trường hợp sau đây và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 82 Nghị định 43/2014/NĐ-CP.

(1) Đang sử dụng đất do nhận chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất trước ngày 01/01/2008;

(2) Đang sử dụng đất do nhận chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất từ ngày 01/01/2008 đến trước ngày 01/7/2014 mà có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 Luật đất đai 2013 và Điều 18 Nghị định 43/2014/ND-CP.

Theo đó, thủ tục cấp sổ đỏ đối với đất mua bằng giấy viết tay được thực hiện theo quy định tại Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP như sau:

Bước 1. Nộp hồ sơ

- Trường hợp 1: Cá nhân, hộ gia đình nộp hồ sơ tại UBND xã, phường, thị trấn nơi có đất nếu có nhu cầu.

- Trường hợp 2: Cá nhân, hộ gia đình không nộp tại UBND xã, phường, thị trấn nơi có đất.

+ Địa phương có bộ phận một cửa thì nộp hồ sơ và nhận kết quả tại bộ phận một cửa.

+ Địa phương chưa thành lập một phận một cửa thì nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan đăng ký đất đai (Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai hoặc nộp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất nếu chưa có Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai).

Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ

- Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa nộp lệ phí thì trong thời gian tối đa 03 ngày, cơ quan

tiếp nhận, xử lý hồ sơ sẽ thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn chỉnh hồ sơ.

- Sau khi nhận đủ hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ sẽ ghi đầy đủ thông tin vào Sổ tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả.

Bước 3: Giải quyết hồ sơ

Trong giai đoạn này, khi nhận được thông báo nộp tiền của cơ quan thuế, người nộp hồ sơ nộp theo đúng số tiền, thời hạn như thông báo và lưu giữ chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính để xuất trình khi nhận Giấy chứng nhận.

Bước 4: Trả kết quả

Giấy chứng nhận sẽ được trao cho người dân trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong thủ tục.

Hồ sơ cấp sổ đỏ cho đất mua bằng giấy viết tay gồm những gì?

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT được sửa đổi bởi Thông tư 33/2017/TT-BTNMT, Thông tư 09/2021/TT-BTNMT như sau:

Hồ sơ nộp khi thực hiện thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu

1. Hồ sơ nộp khi thực hiện thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu gồm có:

a) Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04a/ĐK;

b) Một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (sau đây gọi là Nghị định số 43/2014/NĐ-CP) đối với trường hợp đăng ký về quyền sử dụng đất;

c) Một trong các giấy tờ quy định tại các Điều 31, 32, 33 và 34 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP đối với trường hợp đăng ký về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

Trường hợp đăng ký về quyền sở hữu nhà ở hoặc công trình xây dựng thì phải có sơ đồ nhà ở, công trình xây dựng (trừ trường hợp trong giấy tờ về quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng đã có sơ đồ phù hợp với hiện trạng nhà ở, công trình đã xây dựng);

- d) Báo cáo kết quả rà soát hiện trạng sử dụng đất đối với trường hợp tổ chức trong nước, cơ sở tôn giáo đang sử dụng đất từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 theo Mẫu số 08a/ĐK và 08b/ĐK;
- đ) Chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính; giấy tờ liên quan đến việc miễn, giảm nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất (nếu có);
- e) Đối với đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân sử dụng đất vào mục đích quốc phòng, an ninh thì ngoài giấy tờ quy định tại các Điểm a, b và d Khoản này phải có quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an về vị trí đóng quân hoặc địa điểm công trình; bản sao quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch sử dụng đất vào mục đích quốc phòng, an ninh trên địa bàn các quân khu, trên địa bàn các đơn vị thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương mà có tên đơn vị đề nghị cấp Giấy chứng nhận;

g) Trường hợp có đăng ký quyền sử dụng hạn chế đối với thửa đất liền kề phải có hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận hoặc quyết định của Tòa án nhân dân về việc xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề, kèm theo sơ đồ thể hiện vị trí, kích thước phần diện tích thửa đất mà người sử dụng thửa đất liền kề được quyền sử dụng hạn chế.

Như vậy, khi đăng ký cấp sổ đỏ cho đất mua bằng giấy viết thay thì người sử dụng đất cần chuẩn bị hồ sơ theo quy định nêu trên.

Thời hạn giải quyết hồ sơ cấp sổ đỏ đối với đất mua bằng giấy viết tay là bao lâu?

Căn cứ quy định tại Điều 61 Nghị định 43/2014/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 40 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP, thời hạn giải quyết hồ sơ cấp sổ đỏ đối với đất mua bằng giấy viết tay được xác định như sau:

- Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ;
- Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì được tăng thêm 10 ngày

5. Tổng hợp các tranh chấp về quyền tác giả, quyền liên quan

Các tranh chấp về quyền tác giả, quyền liên quan theo Điều 62 và Điều 63 Nghị định 17/2023/NĐ-CP như sau:

* Các tranh chấp về quyền tác giả:

- Tranh chấp giữa cá nhân với cá nhân về quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học, tác phẩm phái sinh.
- Tranh chấp giữa các đồng tác giả về phân chia quyền đồng tác giả.

- Tranh chấp giữa các đồng chủ sở hữu quyền tác giả đối với việc phân chia quyền của các đồng chủ sở hữu khi khai thác, sử dụng, chuyển nhượng một, một số hoặc toàn bộ các quyền tác giả.
- Tranh chấp giữa cá nhân và tổ chức về chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm.
- Tranh chấp giữa chủ sở hữu quyền tác giả với tác giả về tiền bản quyền trả cho tác giả

CÔNG TY LUẬT TNHH NTB LEGAL

Địa chỉ: Tầng 3, số 72C Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 024.2322.5888 – 0943.996.589

Email: ntblegal@gmail.com

Website: <http://ntblegal.vn/>

sáng tạo tác phẩm trên cơ sở nhiệm vụ được giao hoặc hợp đồng sáng tạo.

- Tranh chấp về thực hiện quyền nhân thân hoặc quyền tài sản của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả; đồng tác giả, đồng chủ sở hữu quyền tác giả.

- Tranh chấp về quyền tác giả đối với chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu giữa người cung cấp tài chính và các điều kiện vật chất có tính chất quyết định cho việc xây dựng, phát triển chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu với người thiết kế, xây dựng chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu.

- Tranh chấp về quyền tác giả đối với tác phẩm điện ảnh, tác phẩm sân khấu giữa người đầu tư tài chính và cơ sở vật chất - kỹ thuật để sản xuất tác phẩm điện ảnh, tác phẩm sân khấu với người tham gia sáng tạo và người sản xuất ra tác phẩm điện ảnh, tác phẩm sân khấu hoặc tranh chấp giữa họ với nhau về tiền bản quyền và các quyền lợi vật chất khác.

- Tranh chấp giữa chủ sở hữu quyền tác giả với người sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép, không phải trả tiền

bản quyền, vì lý do việc sử dụng mâu thuẫn với việc khai thác bình thường tác phẩm và gây thiệt hại một cách bất hợp lý đến lợi ích hợp pháp của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả.

- Tranh chấp giữa chủ sở hữu quyền tác giả với người sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép nhưng phải trả tiền bản quyền vì lý do người sử dụng không trả tiền bản quyền hoặc việc sử dụng mâu thuẫn với việc khai thác bình thường tác phẩm và gây thiệt hại một cách bất hợp lý đến lợi ích hợp pháp của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả.

- Tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền tác giả, hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền tác giả hoặc tranh chấp về hợp đồng tư vấn, dịch vụ quyền tác giả.

- Tranh chấp phát sinh do hành vi xâm phạm quyền tác giả.

- Tranh chấp về thừa kế, kế thừa quyền tài sản quy định tại Điều 20 và quyền nhân thân quy định tại khoản 3 Điều 19 Luật Sở hữu trí tuệ.

CÔNG TY LUẬT TNHH NTB LEGAL

Địa chỉ: Tầng 3, số 72C Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 024.2322.5888 – 0943.996.589

Email: ntblegal@gmail.com

Website: <http://ntblegal.vn/>

- Tranh chấp khác về quyền tác giả theo quy định của pháp luật.

* Các tranh chấp về quyền liên quan:

- Tranh chấp về chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng.

- Tranh chấp giữa người biểu diễn với người khai thác, sử dụng các quyền nhân thân và quyền tài sản đối với cuộc biểu diễn.

- Tranh chấp giữa nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình với người khai thác, sử dụng các quyền tài sản đối với bản ghi âm, ghi hình.

- Tranh chấp giữa tổ chức phát sóng với người khai thác, sử dụng các quyền tài sản đối với chương trình phát sóng.

- Tranh chấp giữa người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, tổ chức phát sóng với người sử dụng quyền liên quan không phải xin phép, không phải trả tiền bản quyền vì lý do việc sử dụng mâu thuẫn với việc khai thác bình thường cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng và gây thiệt hại một cách bất hợp lý đến lợi ích hợp pháp của người biểu diễn,

nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, tổ chức phát sóng.

- Tranh chấp giữa tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, tổ chức phát sóng với người sử dụng quyền liên quan không phải xin phép nhưng phải trả tiền bản quyền; Hoặc việc sử dụng mâu thuẫn với việc khai thác bình thường cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng và gây thiệt hại một cách bất hợp lý đến lợi ích hợp pháp của người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, tổ chức phát sóng.

- Tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền liên quan, hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền liên quan hoặc tranh chấp về hợp đồng tư vấn, dịch vụ quyền liên quan.

- Tranh chấp phát sinh do hành vi xâm phạm quyền liên quan.

- Tranh chấp về thừa kế quyền liên quan.

- Tranh chấp khác về quyền liên quan theo quy định của pháp luật.

Căn cứ xác định hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan

CÔNG TY LUẬT TNHH NTB LEGAL

Địa chỉ: Tầng 3, số 72C Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 024.2322.5888 – 0943.996.589

Email: ntblegal@gmail.com

Website: <http://ntblegal.vn/>

Theo Điều 64 Nghị định 17/2023/NĐ-CP thì căn cứ xác định hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại các Điều 28 và 35 Luật Sở hữu trí tuệ bao gồm:

- Đối tượng bị xem xét thuộc phạm vi các đối tượng đang được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan:
 - + Tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả quy định tại Điều 14 Luật Sở hữu trí tuệ;
 - + Các đối tượng được bảo hộ quyền liên quan quy định tại Điều 17 Luật Sở hữu trí tuệ.
- Có yếu tố xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan trong đối tượng bị xem xét.
- Người thực hiện hành vi bị xem xét không phải là chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan, trừ trường hợp đồng tác giả, đồng chủ

sở hữu quyền tác giả, đồng chủ sở hữu quyền liên quan thực hiện hành vi xâm phạm với các đồng tác giả, đồng chủ sở hữu quyền tác giả, đồng chủ sở hữu quyền liên quan còn lại và không phải là người được pháp luật;

Hoặc cơ quan có thẩm quyền cho phép theo quy định tại khoản 3 Điều 20, khoản 5 Điều 29, khoản 3 Điều 30, khoản 3 Điều 31 và các điều 25, 25a, 26, 32 và 33 Luật Sở hữu trí tuệ.

- Hành vi bị xem xét xảy ra tại Việt Nam. Hành vi bị xem xét cũng bị coi là xảy ra tại Việt Nam nếu hành vi đó xảy ra trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet mà người tiêu dùng hoặc người khai thác, sử dụng nội dung thông tin số tại Việt Nam.

VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ HIỆU LỰC TỪ THÁNG 05/2023

STT	TÊN VĂN BẢN	NGÀY
NGHỊ QUYẾT		
1	Nghị quyết 76/NQ-CP năm 2023 về Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách tháo gỡ vướng mắc quy định tại một số Luật liên quan tới đầu tư xây dựng công trình giao thông đường bộ do Chính phủ ban hành	BH: 08/05/2023 HL: 08/05/2023
2	Nghị quyết 71/NQ-CP năm 2023 về dự thảo Nghị quyết về thí điểm việc sử dụng kinh phí chi thường xuyên của ngân sách nhà nước để cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới các hạng mục trong các cơ sở, công trình đã có do Chính phủ ban hành	BH: 06/05/2023 HL: 06/05/2023
3	Nghị quyết 73/NQ-CP năm 2023 về ủy quyền quyết định giá đất cụ thể do Chính phủ ban hành	BH: 06/05/2023 HL: 06/05/2023
4	Nghị quyết 74/NQ-CP về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 4 năm 2023	BH: 07/05/2023 HL: 07/05/2023
CHỈ THỊ		
1	Chỉ thị 12/CT-TTg năm 2023 về nhiệm vụ, giải pháp đổi mới hoạt động của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp và nâng cao hiệu quả hoạt động, phát huy nguồn lực đầu tư của 19 tập đoàn kinh tế, tổng công ty Nhà nước trực thuộc do Thủ tướng Chính phủ ban hành	BH: 06/05/2023 HL: 06/05/2023
NGHỊ ĐỊNH		
1	Nghị định 21/2023/NĐ-CP quy định về bảo hiểm vi mô	BH: 05/5/2023 HL: 05/5/2023
2	Nghị định 14/2023/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính	BH: 20/4/2023 HL: 15/5/2023
3	Nghị định số 10/2023/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai	BH: 03/4/2023 HL: 20/5/2023
THÔNG TƯ		
1	Thông tư 06/2023/TT-BNV Quy chế cập nhật, sử dụng, khai thác dữ liệu, thông tin của Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước do Bộ trưởng Bộ Nội vụ	BH: 04/5/2023 HL: 05/5/2023

CÔNG TY LUẬT TNHH NTB LEGAL

Địa chỉ: Tầng 3, số 72C Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 024.2322.5888 – 0943.996.589

Email: ntblegal@gmail.comWebsite: <http://ntblegal.vn/>

	ban hành	
2	Văn bản hợp nhất 2/VBHN-BNV năm 2023 hợp nhất Thông tư hướng dẫn chuyển xếp lương đối với cán bộ, công chức, viên chức khi thay đổi công việc và các trường hợp được chuyển công tác từ lực lượng vũ trang, cơ yếu và công ty nhà nước vào làm việc trong các cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước do Bộ Nội vụ ban hành	BH: 03/5/2023 HL: 03/5/2023
3	Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập.	BH: 14/4/2023 HL: 30/5/2023
4	Thông tư 03/2023/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chuẩn, điều kiện thi hoặc xét thăng hạng; hình thức, nội dung và xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện, di sản văn hóa, văn hóa cơ sở, tuyên truyền viên văn hóa, nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh và mỹ thuật	BH: 23/3/2023 HL: 15/5/2023
5	Thông tư số 06/2023/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông	BH: 24/3/2023 HL: 9/5/2023
6	Thông tư số 07/2023/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non	BH: 10/4/2023 HL: 25/5/2023
7	Thông tư số 18/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về thủ tục thu, nộp tiền phạt, bù trừ số tiền nộp phạt chênh lệch, biên lai thu tiền phạt và kinh phí từ ngân sách nhà nước bảo đảm hoạt động của các lực lượng xử phạt vi phạm hành chính	BH: 21/3/2023 HL: 5/5/2023
8	Thông tư 01/2023/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử	BH: 05/4/2023 HL: 25/5/2023
9	Thông tư số 05/2023/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và	BH: 05/4/2023

CÔNG TY LUẬT TNHH NTB LEGAL

Địa chỉ: Tầng 3, số 72C Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 024.2322.5888 – 0943.996.589

Email: ntblegal@gmail.com

Website: <http://ntblegal.vn/>

	Du lịch quy định tiêu chí phân loại phim và thực hiện hiển thị mức phân loại phim, cảnh báo	HL: 20/5/2023
QUYẾT ĐỊNH		
1	Quyết định 1744/QĐ-BNN-ĐĐ năm 2023 về giao nhiệm vụ thực hiện Chương trình tổng thể phòng, chống thiên tai quốc gia do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành	BH: 05/5/2023 HL: 05/5/2023
2	Quyết định 440/QĐ-BXD về Kế hoạch thực hiện công tác phòng, chống tội phạm năm 2023 của Bộ Xây dựng	BH: 05/5/2023 HL: 05/5/2023
3	Quyết định 443/QĐ-BXD về Kế hoạch kiểm tra, theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng năm 2023	BH: 05/5/2023 HL: 05/5/2023
4	Quyết định 1062/QĐ-BCT năm 2023 quy định về giá bán điện do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành	BH: 04/5/2023 HL: 04/5/2023
5	Quyết định 482/QĐ-TTg năm 2023 về chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất của Công ty cổ phần lọc hóa dầu Bình Sơn do Thủ tướng Chính phủ ban hành	BH: 05/5/2023 HL: 05/5/2023